

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN PHONG
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24/9/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN PHONG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Văn Tiến, ông Kiều Văn Dậu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nhung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Phong.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Ông Lê Huy Lê, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/8/2018 và ngày 24/9/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2018/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 8 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Anh Chu Văn Cường, sinh năm 1974 (có mặt).

Trú tại: Vọng Nguyệt, Tam Giang, Yên Phong, Bắc Ninh.

Bị đơn: Chị Ngô Thị Nhân, sinh năm 1977 (có mặt).

Trú tại: Vọng Nguyệt, Tam Giang, Yên Phong, Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/3/2018 và các lời khai tiếp theo tại Toà án, nguyên đơn là anh Chu Văn Cường trình bày: Anh chung sống với chị Nhân ngày 16/11/1995 (âm lịch), có tổ chức cưới hỏi theo phong tục của địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn, anh cũng không rõ vì sao anh chị không đăng ký kết hôn. Cưới xong chị Nhân về nhà anh làm ăn ngay, vợ chồng ở chung cùng bố mẹ anh được mấy tháng thì vợ chồng ra ở riêng.

Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 11/2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Nhân có quan hệ ngoại tình với nhiều người đàn ông. Vợ chồng sống ly thân từ tháng ngày 25/12/2017 đến nay. Anh xác định không thể chung sống với chị Nhân được vì không còn tình cảm, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nhân.

- Về con chung: Anh chị có 04 con chung là Chu Thị Thùy Dung, sinh năm 1996; Chu Thị Phương, sinh ngày 23/9/1999; Chu Thị Huyền, sinh ngày 11/5/2002 và Chu

Trung Kiên, sinh ngày 08/6/2008. Hiện nay cháu Dung và cháu Phương đã trưởng thành, không đề cập nuôi dưỡng. Khi ly hôn các cháu muốn ở với ai thì anh cũng đồng ý. Nếu được nuôi con anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu chị Nhân yêu cầu Tòa án giải quyết thì anh cũng đồng ý.

Về công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn là chị Ngô Thị Nhân trình bày: Chị xác nhận một phần lời khai của anh Cường về điều kiện, hoàn cảnh chung sống. Lý do không đăng ký kết hôn chị cũng không nhớ. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Cường chơi cờ bạc, gà chọi, lô đề, quan hệ trai gái, khi về còn gây sự chửi bới, đánh đập chị nhiều lần, đập phá đồ đạc trong nhà, xúc phạm chị. Ngoài ra anh Cường còn ghen tuông vô cớ, anh Cường cho rằng chị ngoại tình nhưng không bắt được quả tang bao giờ. Mặc dù sống chung nhà nhưng kinh tế, tài chính riêng, không ai quan tâm đến ai từ ngày 19/12/2017 cho đến nay. Nay anh Cường xin ly hôn chị cũng đồng ý.

- Về con chung: Anh chị có 04 con chung như anh Cường đã trình bày. Hiện nay cháu Dung và cháu Phương đã trưởng thành, không đề cập nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu Kiên, để cho anh Cường nuôi cháu Huyền, chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung gồm có:

+ 01 thửa đất số 68, tờ bản đồ 30, diện tích 98,2m² tại khu đồng Me, thôn Vọng Nguyệt, Tam Giang, Yên Phong. Nguồn gốc đất là do vợ chồng mua theo tiêu chuẩn đất giãn dân từ năm 2010. Đã được UBND huyện Yên Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 29/11/2011.

+ 01 thửa đất số 313, tờ bản đồ 27, diện tích 207m² tại thôn Vọng Nguyệt, Tam Giang, Yên Phong. Nguồn gốc đất là của các cụ để lại cho bố mẹ chồng, bố mẹ chồng cho vợ chồng từ năm 1996. Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tên vợ chồng. Do sổ đỏ cũ bị rách nên năm 2017 vợ chồng đã làm thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 16/11/2017.

+ 01 trang trại rộng khoảng 20 sào do vợ chồng thuê của Hợp tác xã (HTX) thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong 20 năm (từ năm 2011 đến hết năm 2031), mục đích để chăn nuôi, trồng trọt.

+ 01 trang trại rộng khoảng 21 mẫu do vợ chồng thuê của HTX thôn Mai Thượng, xã Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang thời hạn 5 năm (từ 01/6/2014 đến ngày 01/6/2019), mục đích để chăn nuôi, trồng trọt.

Ngày 08/6/2018 chị có đơn yêu cầu chia tài sản chung gồm 2 thửa đất và 2 trang trại. Ngày 30/7/2018 chị làm đơn xin rút một phần yêu cầu chia tài sản đối với 2 trang trại. Chị vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết 02 thửa đất chị đã nêu ở trên và anh chị đã tự thỏa thuận được với nhau, chị đề nghị Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Về công nợ: Chị trình bày không có. Anh Cường nợ ai thì chị không biết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong phát biểu ý kiến đã đánh giá việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án

của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án là đúng pháp luật; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận anh Cường, chị Nhân là vợ chồng.

Về con chung: Đề nghị giao cho anh Cường nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Chu Thị Huyền. Giao cho chị Nhân nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Chu Trung Kiên. Việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Giao cho anh Cường được sử dụng thửa đất số 313, tờ bản đồ 27, diện tích 207m² tại thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong. Giao cho chị Nhân được sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ 30, diện tích 98,2m² tại khu đồng Me, thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong.

Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Anh Chu Văn Cường và chị Ngô Thị Nhân chung sống với nhau từ ngày 16/11/1995 (âm lịch), được hai gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, nhưng anh chị không đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống từ tháng 11/1995 (âm lịch) đến nay anh chị vẫn chưa đi đăng ký kết hôn, như vậy anh chị không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Căn cứ vào khoản 1, điều 9; khoản 1, điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ vợ chồng”*. Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn và có yêu cầu ly hôn thì tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Bởi vậy quan hệ hôn nhân giữa anh Chu Văn Cường và chị Ngô Thị Nhân không được pháp luật thừa nhận, anh chị đều đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Chu Văn Cường và chị Ngô Thị Nhân.

Về con chung: Anh chị có 04 con chung là Chu Thị Thùy Dung, sinh năm 1996; Chu Thị Phương, sinh ngày 23/9/1999; Chu Thị Huyền, sinh ngày 11/5/2002 và Chu Trung Kiên, sinh ngày 08/6/2008. Hiện nay cháu Dung và cháu Phương đã trưởng thành, không đề cập nuôi dưỡng. Cháu Huyền và cháu Kiên muốn ở với ai thì anh Cường cũng đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay chị Nhân vẫn xin nuôi cháu Kiên để cho anh Cường nuôi cháu Huyền. Xét thấy, cháu Huyền cũng có nguyện vọng được ở với bố, cháu Kiên có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp pháp luật, cần chấp nhận. Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng, do vậy không xem xét.

Về tài sản chung gồm có:

+ 01 thửa đất số 68, tờ bản đồ 30, diện tích 98,2m² tại khu đồng Me, thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong. Nguồn gốc đất đã được UBND huyện Yên Phong giao cho hộ anh Cường theo Quyết định số: 3454/QĐ-UBND, ngày 15/12/2010

của UBND huyện Yên Phong, đã được UBND huyện Yên Phong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất) ngày 29/11/2011.

+ 01 thửa đất số 313, tờ bản đồ 27, diện tích 207m² tại thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong. Nguồn gốc đất là của các cụ để lại. Ngày 29/11/2002 anh Cường đã làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, đã được UBND huyện Yên Phong cấp GCNQSD đất lần đầu ngày 20/12/2002. Ngày 20/10/2017 anh Cường đã làm đơn đề nghị cấp lại GCNQSD đất và đã được Sở Tài nguyên-Môi trường tỉnh Bắc Ninh cấp GCNQSD đất ngày 16/11/2017.

+ 01 trang trại rộng khoảng 20 sào do vợ chồng thuê của Hợp tác xã (HTX) thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong thời hạn 20 năm (từ năm 2011 đến hết năm 2031), mục đích để chăn nuôi, trồng trọt.

+ 01 trang trại rộng khoảng 21 mẫu do vợ chồng thuê của HTX thôn Mai Thượng, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang thời hạn 5 năm (từ 01/6/2014 đến ngày 01/6/2019), mục đích để chăn nuôi, trồng trọt.

Ngày 08/6/2018 chị Nhân có đơn yêu cầu chia tài sản chung gồm 02 thửa đất và 02 trang trại nói trên. Ngày 30/7/2018 chị làm đơn xin rút một phần yêu cầu chia tài sản đối với 2 trang trại. Chị vẫn yêu cầu Tòa án giải quyết 02 thửa đất chị đã nêu ở trên. Xét yêu cầu của chị là tự nguyện, cần chấp nhận.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thì thửa đất số 68, tờ bản đồ 30, diện tích 98,2m² có tứ cận: Phía Bắc giáp đường; phía Nam giáp nhà anh Nhã; phía Đông giáp ruộng lúa; phía Tây giáp đường tại khu đồng Me, thôn Vọng Nguyệt, Tam Giang, Yên Phong.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ thì thửa đất số 313, tờ bản đồ 27, diện tích 207m² có tứ cận: Phía Nam giáp đường liên xã; phía Bắc giáp nhà anh Hùng; phía Đông giáp nhà ông Hòa; phía Tây giáp nhà ông Gián tại thôn Vọng Nguyệt, Tam Giang, Yên Phong. Trên đất có 01 ngôi nhà ngói 3 gian; 01 gian hiên xây thô; 01 gian bếp xây gạch lợp prôximăng; 01 gian nhà tắm đổ trần; 02 gian chuồng lợn lợp ngói đều đã cũ nát. Chị Nhân không yêu cầu giải quyết tài sản trên đất, do vậy không xem xét.

Tại biên bản định giá tài sản thửa đất số 68, tờ bản đồ 30, diện tích 98,2m² tại khu đồng Me, thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong đã được Hội đồng định giá xác định trị giá 982.000.000đ. Thửa đất số 313, tờ bản đồ 27, diện tích 207m² tại thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong đã được Hội đồng định giá xác định trị giá 1.035.000.000đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nhân và anh Cường tự thỏa thuận với nhau: Anh Cường sử dụng thửa đất số 313, tờ bản đồ 27, diện tích 207m² tại thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, còn chị Nhân sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ 30, diện tích 98,2m² tại khu đồng Me, thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong.

Tại phiên tòa ngày 24/8/2018 anh Cường trình bày: Nếu chị Nhân sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ 30, diện tích 98,2m² tại khu đồng Me, thôn Vọng Nguyệt, xã Tam

Giang, huyện Yên Phong thì anh Cường phải được sử dụng 02 trang trại thì anh Cường mới đồng ý.

Tại phiên tòa hôm nay anh Cường chỉ đồng ý chia thửa đất số 68, tờ bản đồ 30, diện tích 98,2m² tại khu đồng Me, thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong. Đối với thửa đất số 313, tờ bản đồ 27, diện tích 207m² tại thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong anh không đồng ý chia.

Tại khoản 1, điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: “*Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”.

Xét thấy, tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản lấy lời khai anh Cường đều trình bày: “Về tài sản chung: Không yêu cầu quý Tòa giải quyết, chúng tôi tự thỏa thuận, mỗi người được một trại”. Nay anh Cường đề nghị được sử dụng cả 02 trang trại là vượt quá phạm vi, yêu cầu khởi kiện, do vậy không chấp nhận. Anh Cường có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện khác nếu có yêu cầu.

Từ những phân tích trên, cần xác định 02 thửa đất đã nêu trên là tài sản chung của anh Cường, chị Nhân. Nay chị Nhân yêu cầu Tòa án giải quyết là có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy, thửa đất số 68, tờ bản đồ 30, diện tích 98,2m² tại khu đồng Me, thôn Vọng Nguyệt, Tam Giang, Yên Phong đã được UBND huyện Yên Phong giao đất cho hộ anh Cường, do vậy hai người có công sức bằng nhau, các con còn nhỏ lại đang đi học nên không có công sức, tiền vào khối tài sản chung của bố mẹ. Nay ly hôn cần chia đôi mỗi người được hưởng 1/2 giá trị tài sản: 982.000.000đ : 2 = 491.000.000đ.

Đối với thửa đất số 313, tờ bản đồ 27, diện tích 207m² tại thôn Vọng Nguyệt, Tam Giang, Yên Phong. Xét thấy nguồn gốc đất là của các cụ để lại. Nay ly hôn cần chia cho anh Cường được hưởng 60% giá trị thửa đất tương đương số tiền 621.000.000đ, chia cho chị Nhân được hưởng 40% giá trị thửa đất tương đương số tiền 414.000.000đ cũng là thỏa đáng. Nghĩ cần giao cho chị Nhân được quyền sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ 30, diện tích 98,2m² tại khu đồng Me, thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong. Giao cho anh Cường được quyền sử dụng thửa đất số 313, tờ bản đồ 27, diện tích 207m² tại thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, nhưng chị Nhân phải có nghĩa vụ trích trả chênh lệch tài sản cho anh Cường khoảng 77.000.000đ cũng là phù hợp pháp luật.

Về công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Chị Nhân có đơn xin giảm tiền án phí do hoàn cảnh gia đình khó khăn, cần giảm cho chị Nhân ½ số tiền án phí chia tài sản.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 235, 264, 266, 147, 157, 164 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1, điều 9; khoản 1, điều 14; điều 15; điều 16; điều 81; 82; 59; 62 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố không công nhận anh Chu Văn Cường và chị Ngô Thị Nhân là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cho anh Cường nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Chu Thị Huyền, sinh ngày 11/5/2002. Giao cho chị Nhân nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Chu Trung Kiên, sinh ngày 08/6/2008. Việc cấp dưỡng nuôi con không có yêu cầu. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Xác định thửa đất số 68, tờ bản đồ 30, diện tích 98,2m² tại khu đồng Me, thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong và thửa đất số 313, tờ bản đồ 27, diện tích 207m² tại thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh là tài sản chung của anh Chu Văn Cường, chị Ngô Thị Nhân.

Giao cho anh Chu Văn Cường được quyền sử dụng thửa đất số 313, tờ bản đồ 27, diện tích 207m² phía Nam giáp đường liên xã; phía Bắc giáp nhà anh Hùng; phía Đông giáp nhà ông Hòa; phía Tây giáp nhà ông Gián tại thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Giao cho chị Ngô Thị Nhân được quyền sử dụng thửa đất số 68, tờ bản đồ 30, diện tích 98,2m² phía Bắc giáp đường; phía Nam giáp nhà anh Nhã; phía Đông giáp ruộng lúa; phía Tây giáp đường tại khu đồng Me, thôn Vọng Nguyệt, xã Tam Giang, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh.

Chị Ngô Thị Nhân phải có nghĩa vụ trích trả chênh lệch tài sản cho anh Ngô Văn Cường số tiền 77.000.000đ.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chưa thi hành án theo quy định tại điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2, Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30, Luật thi hành án dân sự.

4. Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Mỗi đương sự phải chịu 2.500.000đ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản. (Xác nhận chị Nhân đã nộp 5.000.000đ, anh Cường phải trả cho chị Nhân 2.500.000đ).

6. Về án phí: Anh Chu Văn Cường phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm và 45.360.000đ án phí chia tài sản. (Được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 03721, ngày 29/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Phong). Anh Cường còn phải nộp tiếp 45.360.000đ tiền án phí.

Chị Ngô Thị Nhân phải chịu 19.575.000đ án phí chia tài sản. (Xác nhận chị Nhân đã nộp 18.000.000đ tạm ứng án phí tại biên lai số 03808, ngày 15/6/2018 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện Yên Phong). Chị Nhân còn phải nộp tiếp 1.575.000đ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND h. Yên Phong.
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- THADS h. Yên Phong.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Trần Ngọc Anh

